

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**

Ông **Nguyễn Lơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Bảo Nhật Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 360/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 115/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm B** – Sinh năm: 198

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn D** – Sinh năm: 198

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2021, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm B trình bày:* Bà và ông Nguyễn D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà và ông D xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên kinh cãi, ông D thường xuyên uống rượu, xúc phạm danh dự, chửi mắng bà nhiều lần và có cả đánh đập bà. Đã hơn 06 tháng nay, vợ chồng của bà không còn chung sống với nhau. Trước đó, bà có nộp đơn ly hôn vào đầu năm 2021, sau đó ông D hứa sửa đổi bản thân nhưng sau khi bà rút đơn, ông D vẫn không chịu thay đổi, sửa chữa. Nay cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, bà xác định

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân gia đình không được duy trì nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng bà có tất cả hai người con chung là Nguyễn X – sinh ngày: 20/12/2000 và Nguyễn N – sinh ngày: 16/11/2000, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà B xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Tại bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn D trình bày:* Ông và bà Phạm B kết hôn năm 2005 tại UBND xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Mặc dù, hiện nay vợ chồng, mạnh ai ở nhà của người ấy nhưng giữa ông và bà B không có mâu thuẫn nào lớn. Bà B có thường xuyên họp mặt bạn bè uống rượu bia nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, kinh cãi gay gắt vào thời gian gần đây. Ông D cũng thừa nhận có xúc phạm bà B. Tuy nhiên, bà B xin ly hôn, ông D không đồng ý ly hôn; ông yêu cầu Tòa án giải quyết vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có tất cả hai người con chung là Nguyễn X – sinh ngày: 20/12/2000 và Nguyễn N – sinh ngày: 16/11/2008, nếu buộc phải ly hôn thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm B được ly hôn với ông Nguyễn D.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn X – sinh ngày: 20/12/2000 và Nguyễn N – sinh ngày: 16/11/2000 cho bà Phạm B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà B không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung trong trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn. Xét thấy: Theo nguyện vọng của hai con là muốn ở với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B là phù hợp.

- Về tài sản chung: Bà Phạm B, ông Nguyễn D đều không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.
- Về nợ chung: Bà Phạm B, ông Nguyễn D xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên đề nghị không xem xét.
- Về án phí: Bà Phạm B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm B yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn D và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Phạm B và ông Nguyễn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số I ngày 07/4/200 . Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm B và ông Nguyễn D là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy:

Trong quá trình chung sống giữa bà B và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hội đồng xét xử xét thấy: xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được. Đã hơn 06 tháng nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau và bà B đã từng nộp đơn ly hôn, sau đó cũng đã rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không thành.

Tại phiên tòa, ông D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như những buổi làm việc trước đó, ông D không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu giải quyết đoàn tụ. Qua đó, cho thấy ông D không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì hôn nhân gia đình hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn của bà B là có cơ sở để chấp nhận. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã

Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có tất cả hai người con chung là cháu Nguyễn X – sinh ngày: 20/12/2000 và cháu Nguyễn N – sinh ngày: 16/11/2000; bà B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành; bà B không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy: Trong vụ án này, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hiện nay, hai con chung đang sinh sống ổn định cùng với mẹ và nguyện vọng của hai con là muốn ở với mẹ. Do đó, quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giao cháu X và cháu N cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, bà B không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Phạm B, ông Nguyễn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Phạm B, ông Nguyễn D cùng xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên không xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm B phải chịu án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm B được ly hôn với ông Nguyễn D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn X – sinh ngày: 20/12/2000 và cháu Nguyễn N – sinh ngày: 16/11/2000 cho bà Phạm B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà B không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm B, ông Nguyễn D không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003952 ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Phạm B đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND thị xã Ninh Hòa;
 - Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
 - UBND xã L,
- theo GCNKH số 10, quyển số I,
ngày 07/4/200 , khi án có hiệu lực;
- Các đương sự;
 - Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thùy My